

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức hỗ trợ giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 109 Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên;

Căn cứ Quyết định số 05/2022/QĐ-TTg ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên;

Căn cứ Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng;

Căn cứ Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều về hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 25951/TTr-SLĐTBXH ngày 17 tháng 10 năm 2024, ý kiến của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 6562/BC-STP-KTrVB ngày 07 tháng 10 năm 2024 và ý kiến của các Thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức hỗ trợ giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 11 năm 2024.

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện

Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Chỉ đạo bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố Hồ Chí Minh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn, các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ LĐ-TB&XH;
- Cục KTVBQPPL- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố;
- Các Ban Hội đồng nhân dân Thành phố;
- TTUB: CT, các PCT;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam Thành phố và các tổ chức thành viên;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo Thành phố;
- VPUB: các PCVP;
- Các phòng chuyên viên;
- Lưu : VT, VX (Th2).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Thị Diệu Thúy

QUY ĐỊNH

Mức hỗ trợ giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 98/2024/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định mức hỗ trợ giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 109 Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai; tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

b) Đối tượng được hỗ trợ giải quyết việc làm và đào tạo nghề đối với trường hợp nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 109 Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024.

c) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

Điều 2. Thời hạn hỗ trợ, điều kiện hỗ trợ

1. Thời hạn hỗ trợ

Người có đất thu hồi được hưởng chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm và đào tạo nghề trong thời hạn 05 năm kể từ ngày có Quyết định thu hồi đất.

2. Điều kiện hỗ trợ

a) Người có đất thu hồi được hỗ trợ giải quyết việc làm trong nước, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng khi có đủ điều kiện sau: Là người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013.

b) Người có đất thu hồi tham gia đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng được hỗ trợ theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng.

c) Người có đất thu hồi tham gia đào tạo nghề trình độ trung cấp, cao đẳng được hỗ trợ học phí cho một khóa học.

Chương II CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐÀO TẠO NGHỀ

Điều 3. Đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng

1. Mức hỗ trợ chi phí đào tạo:

Mức hỗ trợ theo chi phí thực tế, tối đa 03 triệu đồng/người/khóa học. riêng trường hợp người có đất thu hồi là người khuyết tật mức hỗ trợ tối đa 06 triệu đồng/người/khóa học và người thuộc hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo mức hỗ trợ tối đa 04 triệu đồng/người/khóa học.

2. Mức hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại:

a) Mức hỗ trợ tiền ăn 30.000 đồng/người/ngày thực học.

b) Mức hỗ trợ tiền đi lại 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên. Đối với người khuyết tật mức hỗ trợ tiền đi lại là 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên.

Điều 4. Đào tạo nghề trình độ trung cấp, cao đẳng

1. Đối với trường hợp học tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, mức học phí được hỗ trợ bằng mức thu học phí thực tế của cơ sở giáo dục nghề nghiệp nhưng tối đa không quá mức trần học phí đối với cơ sở giáo dục công lập theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ.

2. Đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên: căn cứ danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ cao đẳng, trung cấp do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định, mức trần học phí được xác định theo định mức kinh tế - kỹ thuật và được tính theo lộ trình đến năm học 2026 - 2027.

Mức trần học phí như sau:

Đơn vị: Nghìn đồng/sinh viên/tháng

TT	Nhóm ngành, nghề đào tạo	Năm 2023 - 2024	Năm 2024 - 2025	Năm 2025 - 2026	Năm 2026 - 2027
1	Khoa học xã hội nhân văn, nghệ thuật, giáo dục và đào tạo, báo chí, thông tin và kinh doanh, quản lý	1.248	1.328	1.360	1.600
2	Khoa học, pháp luật và toán	1.326	1.411	1.445	1.700

3	Kỹ thuật và công nghệ thông tin	1.870	1.992	2.040	2.400
4	Sản xuất, chế biến và xây dựng	1.794	1.909	1.955	2.300
5	Nông, lâm, ngư nghiệp và thú y	1.287	1.370	1.400	1.650
6	Sức khỏe	2.184	2.324	2.380	2.800
7	Dịch vụ, du lịch và môi trường	1.560	1.660	1.700	2.000
8	An ninh, quốc phòng	1.716	1.820	1.870	2.200

3. Đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: mức học phí tối đa không quá 2 lần so với mức học phí quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định này (theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 Chương II Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo).

4. Đối với trường hợp học tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập: mức học phí được hỗ trợ bằng mức thu học phí thực tế của cơ sở giáo dục nghề nghiệp nhưng tối đa không quá mức trần học phí đối với cơ sở giáo dục công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ và Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

5. Được vay vốn ưu đãi theo quy định của chính sách tín dụng đối với học sinh, sinh viên để tham gia học nghề theo quy định tại Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên và Quyết định số 05/2022/QĐ-TTg ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên.

Chương III

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM

Điều 5. Hỗ trợ giải quyết việc làm trong nước

1. Tư vấn, định hướng nghề nghiệp và giới thiệu việc làm miễn phí tại các Trung tâm dịch vụ việc làm công lập trên địa bàn Thành phố.

2. Vay vốn ưu đãi giải quyết việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm, Quỹ hỗ trợ giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn Thành phố và nguồn vốn Hỗ trợ giảm nghèo (*trường hợp là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo*). Mức cho vay tối đa là 100 triệu đồng/lao động đối với Quỹ quốc gia về việc làm, 100 triệu đồng/hộ đối với nguồn vốn Hỗ trợ giảm nghèo và 10 triệu đồng/lao động, không quá 30 triệu đồng/hộ theo Quyết định số 34/2017/QĐ-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tổ chức lại “Quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn Thành phố”.

Điều 6. Hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

1. Người có đất thu hồi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm.

2. Mức chi hỗ trợ

- a) Đào tạo nghề: Mức hỗ trợ tối đa theo khoản 1 Điều 3 của Quy định này;
- b) Đào tạo ngoại ngữ: theo chi phí thực tế, mức hỗ trợ tối đa 3.000.000 đồng/người/khóa học;
- c) Bồi dưỡng kiến thức cần thiết: theo chi phí thực tế, mức hỗ trợ tối đa 530.000 đồng/người/khóa học;
- d) Tiền ăn trong thời gian đào tạo: Mức hỗ trợ 40.000 đồng/người/ngày thực học;
- đ) Chi phí đi lại: mức hỗ trợ 200.000 đồng/người/khóa học đối với người lao động cư trú cách địa điểm đào tạo từ 15 km trở lên.
- e) Hỗ trợ chi phí làm thủ tục để đi làm việc ở nước ngoài gồm:

Lệ phí làm hộ chiếu theo mức quy định hiện hành của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam; Lệ phí cấp phiếu lý lịch tư pháp theo mức quy định tại Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp: mức tối đa 200.000 đồng/người; Lệ phí làm thị thực (visa) theo mức quy định hiện hành của nước tiếp nhận lao động; Chi phí khám sức khỏe theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thực tế của cơ sở y tế được phép thực hiện khám sức khỏe đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài, mức hỗ trợ tối đa 750.000 đồng/người.

3. Hỗ trợ vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

a) Mức vay tối đa 100% chi phí đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

b) Lãi suất bằng lãi suất cho vay đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Chính phủ quy định.

c) Thời hạn cho vay tối đa bằng thời gian đi lao động ở nước ngoài theo hợp đồng.

Chương IV KINH PHÍ THỰC HIỆN

Điều 7. Chính sách hỗ trợ

Người có đất thu hồi được hỗ trợ các chính sách một lần theo Quy định này.

Điều 8. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề cho người có đất thu hồi được bố trí từ kinh phí đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm trong phương án đào tạo, chuyển đổi nghề, hỗ trợ tìm kiếm việc làm và được tính trong tổng kinh phí của dự án đầu tư hoặc phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư được duyệt.

2. Kinh phí hỗ trợ người có đất thu hồi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được bố trí từ kinh phí đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm trong phương án đào tạo, chuyển đổi nghề, hỗ trợ tìm kiếm việc làm và được tính trong tổng kinh phí của dự án đầu tư hoặc phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư được duyệt.

3. Kinh phí vay vốn hỗ trợ giải quyết việc làm trong nước và vay vốn đi làm việc ở nước ngoài được bố trí từ các nguồn Quỹ quốc gia về việc làm, Quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho người có đất thu hồi và Quỹ hỗ trợ giảm nghèo.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Hướng dẫn thực hiện đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho người lao động có đất thu hồi.

b) Chỉ đạo Trung tâm Dịch vụ việc làm công lập hỗ trợ tư vấn học nghề, tư vấn giới thiệu việc làm miễn phí cho người lao động có đất thu hồi.

c) Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động có đất thu hồi trên địa bàn Thành phố.

d) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về tình hình đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động có đất thu hồi trước ngày 15 tháng 12 hằng năm.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Đầu mối thực hiện phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp, đề xuất bổ sung nguồn vốn cho Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh Thành phố để cho vay giải quyết việc làm theo quy định.

3. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét bổ sung nguồn vốn cho Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh Thành phố để cho vay giải quyết việc làm theo quy định.

4. Ngân hàng Chính sách Xã hội chi nhánh Thành phố

a) Chỉ đạo các Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội quận, huyện, thành phố Thủ Đức chịu trách nhiệm hướng dẫn hồ sơ và tổ chức việc cho vay đối với đối tượng có nhu cầu vay vốn theo Quy định này.

b) Tổng hợp báo cáo định kỳ kết quả thực hiện cho vay học nghề, giải quyết việc làm và vay vốn đi làm việc ở nước ngoài đối với nguồn Quỹ quốc gia về việc làm, Quỹ hỗ trợ giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn Thành phố và nguồn vốn Hỗ trợ giảm nghèo về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 10 tháng 12 hằng năm.

5. Ban Chỉ đạo bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Thành phố

Hướng dẫn, giải quyết những kiến nghị, vướng mắc trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức theo đúng quy định pháp luật và thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố.

6. Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức

a) Chỉ đạo xây dựng và thực hiện kế hoạch điều tra, khảo sát lập Phương án hỗ trợ giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi.

b) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn thực hiện công tác tuyên truyền để Nhân dân và các đối tượng thuộc diện được hưởng chính sách hỗ trợ hiểu rõ các chính sách theo quy định.

c) Chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện, thành phố Thủ Đức tham mưu và tổ chức thực hiện công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm theo quy định.

d) Chỉ đạo các cơ sở giới thiệu việc làm thuộc quận, huyện, thành phố Thủ Đức hỗ trợ tư vấn học nghề, tư vấn giới thiệu việc làm cho người lao động có đất thu hồi.

đ) Báo cáo kết quả thực hiện đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động có đất thu hồi trên địa bàn về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 10 tháng 12 hằng năm.

7. Trách nhiệm của Chủ đầu tư Dự án

a) Phối hợp với Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức nơi thu hồi đất xây dựng Phương án hỗ trợ giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi.

b) Đảm bảo đầy đủ, kịp thời kinh phí để chi trả, hỗ trợ người lao động có đất thu hồi.

c) Phối hợp với các sở, ban, ngành Thành phố và Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức nơi thu hồi đất giải quyết các vấn đề liên quan./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ